

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v tranh chấp về yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Siêng

2. Ông Trương Ngọc Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân
thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh
Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 09
tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng
11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1973 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1974

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1951

bà Đình Thị Th, sinh năm 1951 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố L2, phường HT, thị xã H, tỉnh B.

(Ông T, ông Đ đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn bà Ng,
trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Năm 2017, bà cho vợ chồng
ông T bà T là con trai con dâu của ông Đ bà Th mượn số tiền 650.000.000 đồng,
bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ bà Th để làm tin.
Ngày 11/8/2018, bà Th trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng để lấy lại sổ đỏ và
xin 325.000.000 đồng. Bà đồng ý cho 325.000.000 đồng và xác định ông Đ bà
Th còn nợ 25.000.000 đồng. Lúc trả nợ có ông T đi cùng, ông T hứa sẽ trả nợ
cho ông Đ bà Th nên bà đồng ý để ông T ký giấy nợ, hẹn nửa tháng trả nhưng
ông T không trả đúng hạn. Thời gian qua, bà đã đồng ý cho số tiền 10.000.000
đồng và cho thời gian để gia đình ông T, bà Th trả 15.000.000 đồng còn lại
nhưng đến nay vẫn không trả

tiền. Nay bà yêu cầu ông T phải trả số tiền 25.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày bà nộp đơn khởi kiện đến nay. Bà không đồng ý ông Đ bà Th nhận trả nợ và xin trả dần hàng tháng.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc, bị đơn ông T trình bày: Việc làm ăn giữa em của ông và bà Ng bị thua lỗ, em của ông còn nợ bà Ng số tiền 325.000.000 đồng và không đủ khả năng trả nợ, để lại thành nợ cho ông Đ bà Th. Bà Ng giữ sổ đỏ của ông Đ bà Th nên ông Đ bà Th đã trả 300.000.000 đồng cho bà Ng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Bà Ng bắt cha mẹ ông ký giấy nợ nhưng do cha mẹ ông già yếu, mắt kém nên ông ký giúp, ký nhận nợ thay. Nội dung giấy mượn tiền về việc ông Đ bà Th còn nợ bà Ng 25.000.000 đồng và hẹn trong vòng nửa tháng sẽ trả là đúng. Chữ ký và chữ viết Đỗ Văn T trong giấy mượn tiền là của ông. Nội dung hứa trả thay ghi bên trái chữ ký của ông là không đúng, do bà Ng tự ghi. Ông có hứa với bà Ng là sẽ trả cho mẹ ông số tiền 25.000.000 đồng, ông chỉ ký và hứa trả giúp cho mẹ ông chứ không liên quan đến ông. Trách nhiệm trả nợ số tiền 25.000.000 đồng là của mẹ ông, ông không nợ bà Ng và không nhận trả nợ thay. Bà Ng yêu cầu ông trả nợ thì ông không đồng ý, bà Ng có đòi thì đòi mẹ ông. Ông đề nghị bà Ng không đòi ông nữa và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Th trình bày: Bà nhận nợ của bà Ng số tiền 25.000.000 đồng và sẽ trả cho bà Ng. Bà xin bà Ng cho bà 10.000.000 đồng nếu bà Ng không cho thì bà xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đ trình bày: Vợ chồng ông không vay mượn gì của bà Ng, do con trai ông làm ăn thua lỗ nên nợ tiền bà Ng. Sau khi ông bà trả 700.000.000 đồng, bà Ng xác định còn nợ số tiền 25.000.000 đồng. Nợ này vợ chồng ông nhận trả nhưng do già yếu, không làm ra tiền nên xin bà Ng 10.000.000 đồng nếu bà Ng không cho thì xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm qui định tại Điều 203 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng, buộc ông T trả cho bà Ng số tiền 25.000.000 đồng và lãi chậm trả, ông T phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà bị đơn đã ký nhận nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bị đơn cư trú tại: Khu phố L2, phường HT, thị xã H, tỉnh B, theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T và ông Đ đề nghị xét xử vắng mặt, theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.

[3] Theo sự thừa nhận của bà Ng, ông T, vợ chồng ông Đ bà Th và nội dung “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/8/2018 thì vợ chồng ông Đ bà Th có nợ của bà Ng số tiền 25.000.000 đồng. Ông T thừa nhận, chữ ký và chữ viết Đỗ Văn T tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/8/2018 là do ông ký và viết. Như vậy, theo “Giấy mượn tiền” ngày 11/8/2018 thì giữa bà Ng và ông T đã thống nhất việc ông T nhận nợ của bà Ng số tiền 25.000.000 đồng thay cho ông Đ bà Th. Ông T cho rằng chỉ ký giúp, ký thay và không nhận trả nợ thay cho cha mẹ mình nhưng không được bà Ng thừa nhận và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xác định đây là sự thật. Ông T đã ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 11/8/2018, thể hiện ông thống nhất với nội dung của giấy này. Do đó, ông T là người có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền và theo thời gian đã thể hiện tại “Giấy mượn tiền” ngày 11/8/2018. Việc ông cho rằng trách nhiệm trả nợ của ông Đ bà Th là không có căn cứ. Ông T không trả tiền nên bà Nghiệm khởi kiện yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ, đúng qui định pháp luật. Vì vậy, buộc ông T trả cho bà Nghiệm số tiền 25.000.000 đồng. Bà Nghiệm yêu cầu trả lãi chậm trả là phù hợp với qui định của pháp luật nên được chấp nhận. Lãi chậm trả được tính từ ngày bà Nghiệm khởi kiện - ngày 06/9/2020 - đến ngày xét xử là 01 năm 04 tháng 12 ngày, với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể, số tiền lãi ông T phải trả cho bà Nghiệm là: $(25.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm}) + [((25.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) : 12 \text{ tháng}) \times 04 \text{ tháng}] + [((25.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) : 365 \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày}] = 3.415.500 \text{ đồng}$.

[4] Ông T cho rằng, phần nội dung cam kết trả thay được ghi phía bên trái chữ ký của ông tại “Giấy mượn tiền” ngày 11/8/2018 là không đúng, do bà Nghiệm tự ghi. Thấy rằng, nội dung này không được ghi liền mạch theo nội dung giấy mượn tiền, cuối nội dung đã ghi không có chữ ký của ông T nên không đủ cơ sở để xác định đây là cam kết của ông T. Tuy nhiên, nội dung này không làm thay đổi bản chất việc ông T ký tên nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng, không làm thay đổi nghĩa vụ trả tiền của ông T đối với bà Nghiệm.

[5] Ông Đ bà Th nhận nợ và xin trả dần hàng tháng nhưng không được bà Nghiệm chấp nhận và như nhận định tại đoạn [3] thì ông Đ bà Th không phải là người có nghĩa vụ trả tiền cho bà Nghiệm. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(25.000.000 \text{ đồng} + 3.415.500 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.421.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ng. Buộc ông Đỗ Văn T trả cho bà Phan Thị Ng số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi chậm trả với số tiền 3.415.500 đồng (Ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T phải chịu 1.421.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về tiền tạm ứng án phí: Trả cho bà Phan Thị Ng số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000110 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng